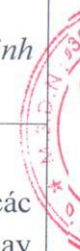


NỘI DUNG SỬA ĐỔI TẠI ĐIỀU LỆ

STT	Điều khoản được sửa đổi tại Điều lệ hiện hành	Nội dung chưa sửa đổi	Nội dung sau khi sửa đổi
1	Điều 1	Khoản 1 Điều 1 Giải thích thuật ngữ: “x. “ Năm tài khóa ” là năm tài chính của Công ty theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này;”	Khoản 1 Điều 1 Giải thích thuật ngữ: “x. “ Năm tài chính ” là năm tài chính của Công ty theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này;”
2	Điều 5	Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 3. Công ty hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam khi có điều kiện.	Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. 2. Công ty cùng với Cermed GmbH có trụ sở tại <u>Uberseeallee 1, 22457 Hamburg, Germany</u> hợp tác nhằm xây dựng, quản lý và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế <u>CEVPharma</u> . 3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 4. Công ty hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam khi có điều kiện.
3		Không	<u>Điều 11. Mệnh giá chứng khoán</u> <u>1. Mệnh giá chứng khoán chào bán trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ghi bằng Đồng Việt Nam.</u> <u>2. Mệnh giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chào bán ra công chúng là 10 nghìn đồng. Mệnh giá của trái phiếu chào bán ra công chúng</u>



			là 100 nghìn đồng và bội số của 100 nghìn đồng. 3. Trường hợp giá chứng khoán của tổ chức phát hành trên hệ thống giao dịch chứng khoán thấp hơn mệnh giá, tổ chức phát hành được chào bán chứng khoán với giá thấp hơn mệnh giá.
4		Không	<u>Điều 12. Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng</u> 1. Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng bao gồm chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng, chào bán thêm cổ phiếu hoặc quyền mua cổ phần ra công chúng và các hình thức khác. 2. Chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng bao gồm: a) Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động thêm vốn cho tổ chức phát hành; b) Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để trở thành công ty đại chúng thông qua thay đổi cơ cấu sở hữu nhưng không làm tăng vốn điều lệ của tổ chức phát hành; c) Kết hợp hình thức quy định tại các điểm a, b khoản này; d) Chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng để thành lập quỹ đầu tư chứng khoán. 3. Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng bao gồm: a) Công ty chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu; b) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chào bán thêm chứng chỉ quỹ ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Quỹ đầu tư. 4. Cổ đông của Công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng. 5. Tổ chức phát hành chào bán trái phiếu và các loại chứng khoán khác ra công chúng.

5		Không	<u>Điều 13. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng</u> <u>1. Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty bao gồm:</u> a) <u>Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;</u> b) <u>Hoạt động kinh doanh của 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;</u> c) <u>Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> d) <u>Tối thiểu là 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn; trường hợp vốn điều lệ của tổ chức phát hành từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;</u> đ) <u>Cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của Công ty tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;</u> e) <u>Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;</u> g) <u>Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;</u> h) <u>Có cam kết và phải thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;</u> i) <u>Công ty phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu</u>
---	--	-------	---

			<u>của đợt chào bán.</u> <u>2. Điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty bao gồm:</u> <u>a) Đáp ứng quy định tại các điểm a, c, e, g, h và i khoản 1 Điều này;</u> <u>b) Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;</u> <u>c) Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ trường hợp có bảo lãnh phát hành với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành để hoán đổi, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</u> <u>d) Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của Công ty, cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu là 70% số cổ phiếu dự kiến chào bán. Công ty phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.</u> <u>3. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:</u> <u>a) Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;</u> <u>b) Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;</u> <u>c) Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u>
--	--	--	--

6		Không	<u>Điều 14. Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng</u> 1. Công ty trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Các trường hợp sau đây không phải đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng: a) Chào bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành, trái phiếu chính quyền địa phương; b) Chào bán trái phiếu của tổ chức tài chính quốc tế được Chính phủ Việt Nam chấp thuận; c) Chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; d) Việc bán chứng khoán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc việc bán chứng khoán của người quản lý hoặc người được nhận tài sản trong trường hợp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.
7		Không	<u>Điều 15. Điều kiện thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng</u> 1. Tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng là công ty chứng khoán, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quy định của Luật này; b) Đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp

			luật; c) Không phải là người có liên quan với tổ chức phát hành. 2. Tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng thực hiện bảo lãnh theo phương thức nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành chỉ được phép bảo lãnh phát hành tổng giá trị chứng khoán không được lớn hơn vốn chủ sở hữu và không quá 15 lần hiệu số giữa giá trị tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất.
8		Không	<u>Điều 16. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng</u> 1. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của bao gồm: a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng; b) Bản cáo bạch; c) Điều lệ của tổ chức phát hành; d) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và văn bản cam kết niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán; đ) Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật này; e) Văn bản cam kết của các cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành về việc cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán; g) Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công

			chúng với công ty chứng khoán; h) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán; i) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có). 2. Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng Công ty bao gồm: a) Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng; b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều này và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này; c) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này; d) Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán trong 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp báo cáo tài chính được kiểm toán đã có thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất. 3. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm: a) Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng; b) Tài liệu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này; c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và văn bản cam kết niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán; d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với
--	--	--	---

			<u>nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;</u> <u>đ) Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này;</u> <u>e) Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán;</u> <u>g) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;</u> <u>h) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).</u> <u>4. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng bao gồm:</u> <u>a) Giấy đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;</u> <u>b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, g và h khoản 1, điểm d khoản 2 Điều này và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;</u> <u>c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và văn bản cam kết niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán;</u> <u>d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;</u> <u>đ) Các tài liệu khác liên quan đến việc chuyển đổi thành cổ phiếu;</u> <u>e) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).</u> <u>5. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng bao gồm:</u>
--	--	--	---

			a) Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng; b) Bản cáo bạch; c) Dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán; d) Hợp đồng nguyên tắc về việc giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; hợp đồng nguyên tắc về việc phân phối; hợp đồng nguyên tắc ký với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có); đ) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có). 6. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng phải kèm theo quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ. 7. Trường hợp một phần hoặc toàn bộ hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận thì tổ chức phát hành phải gửi văn bản xác nhận của tổ chức, cá nhân đó đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. 8. Các thông tin trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải chính xác, trung thực, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến việc quyết định của nhà đầu tư. 9. Tổ chức phát hành khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thì đồng thời phải nộp hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật Chứng khoán năm 2019, trừ trường hợp chào bán chứng chỉ quỹ mở.
9		Không	<u>Điều 17. Bản cáo bạch</u> 1. Đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng Bản cáo bạch bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin tóm tắt về tổ chức phát hành bao gồm mô hình tổ

			<u>chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và cơ cấu cổ đông (nếu có);</u> <u>b) Thông tin về đợt chào bán và chứng khoán chào bán bao gồm: điều kiện chào bán, các yếu tố rủi ro, dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của năm gần nhất sau khi phát hành chứng khoán, phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;</u> <u>c) Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này;</u> <u>d) Thông tin khác quy định trong mẫu Bản cáo bạch.</u> <u>2. Đối với việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, Bản cáo bạch bao gồm các nội dung sau đây:</u> <u>a) Loại hình và quy mô quỹ đầu tư chứng khoán;</u> <u>b) Mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ đầu tư chứng khoán;</u> <u>c) Tóm tắt các nội dung cơ bản của dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;</u> <u>d) Phương án phát hành chứng chỉ quỹ và các thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán;</u> <u>đ) Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và quy định về giao dịch với người có liên quan của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát;</u> <u>e) Thông tin khác quy định trong mẫu Bản cáo bạch.</u> <u>3. Chữ ký trong Bản cáo bạch thực hiện theo quy định sau đây:</u> <u>a) Đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Bản</u>
--	--	--	--

			<u>cáo bạch phải có chữ ký của những người sau đây: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc (Giám đốc); Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng của tổ chức phát hành; người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có). Trường hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền;</u> <u>b) Đối với việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, Bản cáo bạch phải có chữ ký của những người sau đây: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có). Trường hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền.</u>
10		Không	<u>Điều 18. Báo cáo tài chính</u> <u>1. Báo cáo tài chính được lập theo quy định của pháp luật về kế toán.</u> <u>2. Trường hợp tổ chức phát hành là công ty mẹ thì tổ chức phát hành phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.</u> <u>3. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.</u> <u>4. Trường hợp hồ sơ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính năm của năm trước đó trong hồ sơ ban đầu có thể là báo cáo tài chính chưa có</u>

			kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của 02 năm trước liền kề. 5. Trường hợp ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính gần nhất cách thời điểm gửi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đầy đủ và hợp lệ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quá 90 ngày, Công ty phải lập báo cáo tài chính bổ sung đến tháng hoặc quý gần nhất.
11		Không	<u>Điều 19. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng</u> 1. Trong thời gian hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đang được xem xét, Công ty có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác hoặc còn thiếu nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm. 2. Trong thời gian xem xét hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu Công ty sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để bảo đảm thông tin được công bố chính xác, trung thực, đầy đủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. 3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng mà phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, Công ty phải công bố thông tin phát sinh theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này và thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ. 4. Văn bản sửa đổi, bổ sung gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc của những người

			<u>có cùng chức danh với những người đó.</u> <u>5. Thời hạn xem xét hồ sơ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung đầy đủ và hợp lệ.</u>
12		Không	<u>Điều 20. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng</u> <u>1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</u> <u>2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là văn bản xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.</u> <u>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.</u> <u>4. Chứng khoán chỉ được chào bán ra công chúng sau khi đã công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này.</u>
13		Không	<u>Điều 21. Phân phối chứng khoán</u> <u>1. Việc phân phối chứng khoán chỉ được thực hiện sau khi Công ty bảo đảm người mua chứng khoán tiếp cận Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được công bố tại các địa điểm ghi trong Bản thông báo phát hành.</u> <u>2. Công ty, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức đại lý phải phân phối chứng khoán công bằng, công khai và bảo đảm thời</u>

			<u>hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày; trừ trường hợp chứng khoán chào bán là chứng quyền có bảo đảm, thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành.</u> <u>Trường hợp số lượng chứng khoán đăng ký mua vượt quá số lượng chứng khoán được phép phát hành thì Công ty hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành phải phân phối hết số chứng khoán được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.</u> <u>3. Tiền mua chứng khoán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</u> <u>4. Công ty phải hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày. Trường hợp đăng ký chào bán chứng khoán cho nhiều đợt thì khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.</u> <u>5. Công ty hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành phải báo cáo kết quả đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.</u> <u>6. Công ty, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức đại lý phải chuyển giao chứng khoán hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu chứng khoán cho người mua trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày</u>
--	--	--	--

			<u>kết thúc đợt chào bán.</u>
14		Không	<u>Điều 22. Chào bán chứng khoán riêng lẻ</u> <u>1. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của bao gồm:</u> a) <u>Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư;</u> b) <u>Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;</u> c) <u>Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;</u> d) <u>Các đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán gần nhất;</u> đ) <u>Việc chào bán cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</u> <u>2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:</u> a) <u>Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được</u>

			từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng, nhà đầu tư; b) Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; c) Việc chuyển nhượng trái phiếu chào bán riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; d) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn; đ) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; e) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có).
15		Không	<u>Điều 23. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ</u> 1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP. 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu chào bán; giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; số lượng nhà đầu tư; nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

			<u>Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết. Trường hợp trong phương án phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020;</u> <u>b) Trường hợp đợt chào bán nhằm mục đích huy động tiền để thực hiện dự án, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.</u> <u>3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.</u> <u>4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán cổ phiếu của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc chào bán cổ phiếu của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.</u> <u>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.</u> <u>6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.</u> <u>7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu</u>
--	--	--	--

			của đợt chào bán. 8. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có). 9. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).
16		Không	<u>Điều 24. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá</u> 1. Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược và việc chuyển nhượng cổ phiếu bị hạn chế tối thiểu là 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. 2. Việc phát hành phải đảm bảo không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp năm 2020. 3. Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, d và đ khoản 1 Điều 22 Điều lệ này, các khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.
17		Không	<u>Điều 25. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá</u> 1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó: a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu chào bán; giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; danh sách nhà đầu tư chiến lược và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Trường hợp trong phương án

			<u>phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</u> <u>b) Trường hợp đợt chào bán nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.</u> <u>2. Bảng thống kê giá tham chiếu cổ phiếu của 60 ngày giao dịch liên tiếp liền trước ngày chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến hoặc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành có xác nhận của 01 công ty chứng khoán.</u> <u>3. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</u> <u>4. Tài liệu quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 23 Điều lệ này.</u>
18	Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;	Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

		b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
19	Điều 26	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
20	Điều 40	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị	Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải

		quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.												
21	Không		<u>Điều 57. Thông tin về Sàn Giao dịch CEVPharma</u> 1. Sàn Giao dịch CEVPharma là Sàn giao dịch thương mại điện tử Quốc Tế CEVPharma B2B được sáng lập bởi Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và Cermed GmbH có trụ sở tại Uberseeallee 1, 22457 Hamburg, Germany. 2. <u>Trụ sở chính:</u> Tầng 1, CT3 Mễ Trì, phường Mễ Trì Thượng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. 3. <u>Cơ cấu tổ chức của CEVPharma</u> <table border="1"> <thead> <tr> <th><u>STT</u></th><th><u>Cơ cấu tổ chức</u></th><th><u>Chức năng hoạt động</u></th><th><u>Nhân sự của CEVPharma</u></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td><u>1</u></td><td><u>Hội đồng quản lý</u></td><td>Hội đồng quản lý là chủ thể cao nhất của CEVPharma, quyết định mọi hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành của CEVPharma.</td><td>Hội đồng quản lý gồm 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT và 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT</td></tr> <tr> <td><u>2</u></td><td><u>Giám đốc</u></td><td>Thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành hệ thống giao dịch thương mại điện tử B2B trên Website: cevpharma.com.vn theo các quyết định</td><td>Hội đồng quản lý tuyển dụng và bổ nhiệm.</td></tr> </tbody> </table>	<u>STT</u>	<u>Cơ cấu tổ chức</u>	<u>Chức năng hoạt động</u>	<u>Nhân sự của CEVPharma</u>	<u>1</u>	<u>Hội đồng quản lý</u>	Hội đồng quản lý là chủ thể cao nhất của CEVPharma, quyết định mọi hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành của CEVPharma.	Hội đồng quản lý gồm 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT và 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT	<u>2</u>	<u>Giám đốc</u>	Thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành hệ thống giao dịch thương mại điện tử B2B trên Website: cevpharma.com.vn theo các quyết định	Hội đồng quản lý tuyển dụng và bổ nhiệm.
<u>STT</u>	<u>Cơ cấu tổ chức</u>	<u>Chức năng hoạt động</u>	<u>Nhân sự của CEVPharma</u>												
<u>1</u>	<u>Hội đồng quản lý</u>	Hội đồng quản lý là chủ thể cao nhất của CEVPharma, quyết định mọi hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành của CEVPharma.	Hội đồng quản lý gồm 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT và 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT												
<u>2</u>	<u>Giám đốc</u>	Thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành hệ thống giao dịch thương mại điện tử B2B trên Website: cevpharma.com.vn theo các quyết định	Hội đồng quản lý tuyển dụng và bổ nhiệm.												

		và chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản lý phê duyệt	
3	Các Phòng: CNTT, Marketing &CSKH; Xuất nhập khẩu; Thanh toán; TTPP Vimedimex	Hội đồng quản lý quyết định chức năng, nhiệm vụ và phân cấp, ủy quyền các Phòng: Kinh doanh, Marketing &CSKH; Xuất nhập khẩu; Thanh toán; TTPP Vimedimex; CNTT	Giám đốc bổ nhiệm

4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh trên website:cevpharma.com.vn

Sàn giao dịch thương mại điện tử Quốc tế CEVPharma à **Website: cevpharma.com.vn** trên nền tảng ứng dụng phần mềm ERP Oracle Netsuite; Desktop website; Mobile website. Mobile App; Oracle Netsuite TMS và Salesforce CDP cung cấp các dịch vụ giao dịch thương mại điện tử B2B (trực tuyến)

4.1. Các dịch vụ chung

- Khởi tạo, duy trì Gian Hàng Chính Hãng trực tuyến trên Website: cevpharma.com.vn.

- Trưng bày, giới thiệu Gian Hàng Chính Hãng của Nhà bán hàng Việt Nam, Nước ngoài tại Trung tâm phân phối được phẩm Vimedimex **Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ.**

			- Hỗ trợ xử lý hàng đổi/trả cho KHM; - Nhân chuyển khoản từ Khách hàng mua thay mặt cho Nhà bán hàng <u>4.2. Các dịch vụ kinh doanh giao dịch bán buôn trực tuyến tại Gian Hàng Chính Hãng của Nhà sản xuất, Nhà cung cấp, Nhà phân phối Việt Nam và Nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, nhóm hàng hóa, bao gồm:</u> - <u>Thuốc</u> (<i>Thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vắc xin và sinh phẩm.</i>) - <u>Nguyên liệu làm thuốc</u>(<i>Dược chất, dược liệu, tá dược, vỏ nang</i>) - <u>Thực phẩm chức năng</u> (<i>thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học</i>) - <u>Mỹ phẩm</u> (<i>mỹ phẩm thông dụng và dược mỹ phẩm</i>) - <u>Thiết bị y tế</u> (<i>thiết bị y tế thông dụng và thiết bị y tế chuyên sâu</i>). - <u>Thiết bị làm đẹp</u> (<i>Thiết bị làm đẹp cá nhân và thiết bị làm đẹp tại Spa</i>) - <u>Vật tư tiêu hao</u> (<i>Vật tư tiêu hao thông thường và vật tư tiêu hao, vật tư y tế thay thế trong khám chữa bệnh</i>) - <u>Hàng tiêu dùng của mẹ và bé</u> (<i>Hàng tiêu dùng cho mẹ bầu và sau sinh; Hàng tiêu dùng cho bé (Bỉm sữa và tã, quần áo sơ sinh, Đồ chơi- học tập, Thực phẩm và đồ ăn dặm, Nôi- Giường- cũi)</i>) <u>4.3. Các dịch vụ tư vấn trên website:cevpharma.com.vn</u> - Dịch vụ tư vấn marketing B2B;
--	--	--	--

			- Dịch vụ tư vấn thiết kế Gian Hàng Chính Hãng, thiết kế tờ rơi, Catalogue, Banner, khác, quảng cáo trên Website: cevpharma.com.vn; - Dịch vụ tư vấn trưng bày, giới thiệu Gian Hàng Chính Hãng của Nhà bán hàng tại TTPP Vimedimex Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ. - Dịch vụ tư vấn quản lý truyền thông.. <u>4.4. Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp dịch vụ đa dạng và linh hoạt theo từng yêu cầu của NBH/KHM:</u> <u>Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp hệ thống kho hàng, bến bãi, phòng lạnh kiểm soát nhiệt độ đạt tiêu chuẩn GSP, giúp NBH/KHM hoàn toàn yên tâm về chất lượng hàng hóa của mình.</u> <u>(1) Cung cấp dịch vụ cho thuê kho mát chuẩn GSP tại 63 tỉnh thành HIỆN ĐẠI CHẤT LƯỢNG nhằm giúp NBH/KHM giải quyết vấn đề giảm chi phí kho bãi đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn ngày càng tăng cao, Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma đã cho ra đời dịch vụ cho thuê kho mát đạt tiêu chuẩn GSP bao gồm các biện pháp đảm bảo điều kiện bảo quản đặc biệt đạt chuẩn:</u>(1) Kho lạnh: Nhiệt độ không vượt quá 8 độ C; (2) Tủ lạnh: Nhiệt độ trong khoảng 2-8 độ C; (3) Kho đông lạnh: Nhiệt độ không được vượt quá – 10 độ C; (4) Kho mát: Nhiệt độ trong khoảng 8-15 độ C; (5) Kho nhiệt độ phòng: Nhiệt độ trong khoảng 15-25 độ C, trong từng khoảng thời gian nhiệt độ có thể lên đến 30 độ C. <u>(2) Quản lý mạng lưới vận chuyển nội địa và quốc tế:</u> Việc kết hợp vận tải đa phương tiện, tính toán tối ưu hóa lộ trình, cho phép giám sát nhiệt độ trong suốt quá trình vận chuyển, cung cấp dịch vụ chuyển hàng không qua lưu kho đã giúp Trung tâm
--	--	--	--

			<u>Logistics 3PL CEVPharma vừa rút ngắn thời gian trung chuyển, vừa yên tâm về chất lượng hàng hóa: (1) Dịch vụ vận chuyển: Nhân hàng và di chuyển, vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước; (2) Dịch vụ quản lý kho hàng: Lưu trữ, sắp xếp, quản lý, bảo trì hàng hóa trong kho một cách tự động và có hệ thống; (3) Dịch vụ quản lý quá trình vận chuyển: Điều hành, giám sát quá trình vận chuyển hàng hóa về vị trí, tiến độ vận chuyển, tình trạng hàng hóa, thậm chí phát cảnh báo khi có vấn đề phát sinh; (4) Dịch vụ xử lý hàng tồn: Phân phối hàng tồn kho tới khách hàng mua</u> <u>(3) Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng gồm: (1) Cung cấp giải pháp đóng gói tùy chỉnh theo yêu cầu khách hàng (đóng gói đá khô, cách nhiệt, làm lạnh sơ bộ và làm lạnh lại); (2) Cung cấp thiết bị xếp/dỡ hàng lên máy bay, xe tải, container,...; (3) Tư vấn điều kiện mua hàng và thủ tục xuất nhập khẩu theo chính sách hiện hành của Nhà nước; (4) Làm thủ tục xuất khẩu ở đầu nước ngoài; (6) Làm hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm; (7) Làm hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng Nhà nước; (8) Làm thủ tục thông quan; (9) Ủy thác xuất, nhập khẩu; (10) Chính sách bảo hiểm và đảm bảo an ninh; (12) Quản trị rủi ro; (13) Cung cấp dịch vụ nhân hàng theo điều kiện EXW (14) Dịch vụ thu hộ (COD) trước khi giao hàng cho KHM</u> <u>4.5. Các dịch vụ kinh doanh có điều kiện: Thuốc, Nguyên liệu làm thuốc của Nhà sản xuất, Nhà cung cấp Nước ngoài chỉ được quyền nhập khẩu nhưng không được thực hiện quyền phân phối tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 10, Điều 91, Nghị Định số: 54/2017/CP-CP:</u> <u>- Khởi tạo, duy trì Gian Hàng Chính Hãng của Nhà sản xuất, Nhà cung ứng Nước ngoài trên website: cevpharma.com.vn.</u>
--	--	--	---

			- Trưng bày, giới thiệu Gian Hàng Chính Hãng của Nhà bán hàng Việt Nam, Nước ngoài tại Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ. - Cung cấp dịch vụ giao dịch bán buôn trực tuyến tại Gian Hàng Chính Hãng của Nhà sản xuất, Nhà cung cấp Nước ngoài trên website: cevpharma.com.vn - Cung cấp dịch vụ đấu thầu tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Bộ y tế /Sở y tế/Bệnh viện - Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp dịch vụ đa dạng và linh hoạt theo từng yêu cầu của NBH/KHM: <u>Trên nền tảng ứng dụng phần mềm ERP Oracle Netsuite; Desktop website; Mobile website, Mobile App; Oracle Netsuite TMS và Salesforce CDP cung cấp các dịch vụ giao dịch thương mại điện tử B2B (trực tuyến) Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp hệ thống kho hàng, bến bãi, phòng lạnh kiểm soát nhiệt độ đạt tiêu chuẩn GSP, giúp NBH/KHM hoàn toàn yên tâm về chất lượng hàng hóa của mình.</u> <u>(+) Cung cấp dịch vụ cho thuê kho mát chuẩn GSP tại 63 tỉnh thành HIỆN ĐẠI CHẤT LƯỢNG</u> nhằm giúp NBH/KHM giải quyết vấn đề giảm chi phí kho bãi đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn ngày càng tăng cao, Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma đã cho ra đời dịch vụ cho thuê kho mát đạt tiêu chuẩn GSP bao gồm các biện pháp đảm bảo điều kiện bảo quản đặc biệt đạt chuẩn:(1) Kho lạnh: Nhiệt độ không vượt quá 8 độ C (2) Tủ lạnh: Nhiệt độ trong khoảng 2-8 độ C; (3) Kho đông lạnh: Nhiệt độ không được vượt quá – 10 độ C; (4) Kho mát: Nhiệt độ trong khoảng 8-15 độ C; (5) Kho nhiệt độ phòng: Nhiệt độ trong
--	--	--	--

			<u>khoảng 15-25 độ C, trong từng khoảng thời gian nhiệt độ có thể lên đến 30 độ C.</u> <u>(+) Quản lý mạng lưới vận chuyển nội địa và quốc tế:</u> <u>Vệc kết hợp vận tải đa phương tiện, tính toán tối ưu hóa lộ trình, cho phép giám sát nhiệt độ trong suốt quá trình vận chuyển, cung cấp dịch vụ chuyển hàng không qua lưu kho đã giúp Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma vừa rút ngắn thời gian trung chuyển, vừa yên tâm về chất lượng hàng hóa: (1) Dịch vụ vận chuyển: Nhận hàng và di chuyển, vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước; (2) Dịch vụ quản lý kho hàng: Lưu trữ, sắp xếp, quản lý, bảo trì hàng hóa trong kho một cách tự động và có hệ thống; (3) Dịch vụ quản lý quá trình vận chuyển: Điều hành, giám sát quá trình vận chuyển hàng hóa về vị trí, tiến độ vận chuyển, tình trạng hàng hóa, thậm chí phát cảnh báo khi có vấn đề phát sinh; (4) Dịch vụ xử lý hàng tồn: Phân phối hàng tồn kho ới khách hàng mua</u> <u>(+) Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng gồm:</u> (1) <u>Cung cấp giải pháp đóng gói tùy chỉnh theo yêu cầu khách hàng (đóng gói đá khô, cách nhiệt, làm lạnh sơ bộ và làm lạnh lại); (2) Cung cấp thiết bị xếp/dỡ hàng lên máy bay, xe tải, container,...; (3) Tư vấn điều kiện mua hàng và thủ tục xuất nhập khẩu theo chính sách hiện hành của Nhà nước; (4) Làm thủ tục xuất khẩu ở đầu nước ngoài; (6) Làm hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm; (7) Làm hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng Nhà nước; (8) Làm thủ tục thông quan; (9) Ủy thác xuất, nhập khẩu; (10) Chính sách bảo hiểm và đảm bảo an ninh; (12) Quản trị rủi ro; (13) Cung cấp dịch vụ nhận hàng theo điều kiện EXW (14) Dịch vụ thu hộ (COD) trước khi giao hàng cho KHM</u> <u>5. Trách nhiệm của Sàn giao dịch thương mại điện tử Quốc tế CEVPharma và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử B2B</u>
--	--	--	--

			<u>đảm bảo thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 36 Nghị định 52/2013/NĐ-CP. Bao gồm:</u> - <u>Thiết lập Website: cevpharma.com.vn cung cấp dịch vụ giao dịch thương mại điện tử và công bố các thông tin đã đăng ký trên trang chủ Website: cevpharma.com.vn</u> - <u>Xây dựng và công bố công khai trên Website: cevpharma.com.vn Quy chế hoạt động của CEVPharma; theo dõi và bảo đảm việc thực hiện quy chế trên Website: cevpharma.com.vn</u> - <u>Lưu trữ thông tin đăng ký của tổ chức, cá nhân tham gia truy cập Website: cevpharma.com.vn và thường xuyên cập nhật những thông tin thay đổi, bổ sung có liên quan.</u> - <u>Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, cung cấp thông tin đăng ký, lịch sử giao dịch và các tài liệu khác về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên website: cevpharma.com.vn.</u> - <u>Yêu cầu Nhà sản xuất, Nhà cung cấp, Nhà phân phối là Nhà bán hàng trên website: cevpharma.com.vn cung cấp thông tin khi đăng ký sử dụng dịch vụ TMĐT B2B.</u> - <u>Có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của Nhà bán hàng trên Website:cevpharma.com.vn được thực hiện chính xác, đầy đủ.</u> - <u>Thiết lập cơ chế cho phép Nhà bán hàng tham gia giao dịch trực tuyến trên website:cevpharma.com.vn được giao kết hợp đồng đặt Đơn hàng trực tuyến.</u> - <u>Áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh trên website cevpharma.com.vn và thông tin của Khách hàng mua.</u>
--	--	--	---

			- Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên website:cevpharma.com.vn. - Công bố công khai cơ chế giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch mua bán trực tuyến trên website: cevpharma.com.vn. Khi khách hàng mua giao dịch trực tuyến trên website: cevpharma.com.vn phát sinh mâu thuẫn với Nhà bán hàng hoặc bị tổn hại lợi ích hợp pháp, CEVPharma phải cung cấp cho khách hàng mua thông tin về Nhà bán hàng, tích cực hỗ trợ khách hàng mua bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của KHM.
22		Không	<u>Điều 58. Đơn vị quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ</u> 1. Công ty chỉ định cho Công ty TNHH Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex là đơn vị quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ: giao dịch bán buôn trực tuyến trên website:cevpharma.com.vn. 2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty và người quản lý của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến Sàn giao dịch CEVPharma theo đúng thẩm quyền và đảm bảo mô hình hoạt động của Sàn giao dịch CEVPharma đã được quy định tại các văn bản, thỏa thuận đã ký với Cermed Gmbh, Công ty TNHH Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex và Điều lệ này.
23	Điều 50	<u>Điều 50. Báo cáo thường niên</u> Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Không
24		Không	<u>Điều 67. Nghĩa vụ Công bố thông tin</u> 1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật

			<u>chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.</u> <u>2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán năm 2019, và Điều lệ này nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.</u>
25		Không	<u>Điều 68. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty</u> <u>Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.</u>
26		Không	<u>Điều 69. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty</u> <u>1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u> <u>2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u>
27		Không	<u>Điều 70. Tổ chức công bố thông tin</u> <u>1. Công ty thực hiện công bố thông tin của công ty theo quy</u>

			<u>định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.</u> <u>2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:</u> <u>a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</u> <u>b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.</u>
28	Điều 58	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm hai mươi một (21) chương, năm mươi tám (58) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex nhất trí thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Hà Nội, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 78. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm <u>hai mươi ba (23)</u> chương, <u>bảy mươi tám (78)</u> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex nhất trí thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Hà Nội, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.